TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2023/DS-PT
Ngày 20/11/2023
V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DSST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2023/QĐPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Nhựt T, sinh năm 1980 (có mặt). Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*:

1. Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1965 (vắng mặt). Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Hồ Thị C, sinh năm 1977 (có mặt). Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1960 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Hồ Kiêm S, sinh năm 1962 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 290A/21, ấp Bình Thuận 1, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

3. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt). Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Hồ Văn D, sinh năm 1975 (vắng mặt). Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà L, bà H, ông S và ông D: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1977 (có mặt). Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông Hồ Kim S1, sinh năm 1973 (có mặt). Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

- *Người kháng cáo:* Bà Hồ Thị C - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Cha mẹ ông T là cụ Hồ Văn N chết năm 2006 và cụ Võ Thị B chết năm 2017. Cụ N và cụ B có tất cả 08 người con gồm: Bà Hồ Thị H, ông Hồ Kiêm S, ông Hồ Văn T1, bà Hồ Thị L, ông Hồ Kim S1, ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị C và ông Hồ Nhựt T.

Cụ N và cụ B có hơn 11 công đất. Năm 2006 cụ N chết không có di chúc, đến năm 2008 cụ B và 08 người con là anh chị em ông T đồng thuận chia tài sản của cụ N và cụ B cho 07 người con lớn mỗi người hơn 1.000m^2 đất vườn. Sau khi chia cho 07 người con phần đất còn lại là 3.618,1m^2 anh chị em đồng ý cho ông T cùng đứng tên chung với cụ B. Trên diện tích đất 3.618,1m^2 có 02 căn nhà cấp 4, trong đó 01 căn nhà của cụ B xây dựng năm 1998 và 01 căn nhà ông T xây dựng năm 2011 từ nguồn tiền ông T đi làm dành dùm có được. Năm 2017 cụ B chết, bà C và ông T1 cho rằng thửa đất trên của cụ B nên bà C, ông T1 vào thu hoạch cây trái do ông T trồng từ năm 2017 đến nay.

Ông Thân yêu chia tài sản chung của ông T và cụ B là thửa đất 72, tờ bản đồ số 18, diện tích 3618,1m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long như sau: Phần đất của ông T và cụ B mỗi người được nhận diện tích 1.809m^2. Đối với diện tích 1.809m^2 của cụ B, ông T đồng ý phân chia cho anh chị em bằng hiện vật, ông T không nhận và không yêu cầu thêm phần thờ cúng. Đối với các cây trồng gồm nhãn, mai, chôm chôm, dừa… khi phân chia đất cây trồng có trên đất của người nào thì người đó quản lý, sử dụng ông không yêu cầu giải quyết cây trồng. Các cây mai đã giải quyết xong, không có tranh chanh chấp. Đối với phần mộ thuộc phần đất chia cho ai thì người quản lý.

Ông Thân yêu c công nhận căn nhà gắn liền phần đất của ông được chia vì căn nhà ông đang ở và do ông bỏ tiền ra xây dựng.

Còn phần đất diện tích 23,2m^2 trên đất có gắn ngôi mộ của vợ ông T1, ông T thống nhất giao cho ông T1, không tính vào 3.618,1m^2 để tính chia thừa kế. Ông T thống nhất diện tích còn lại là 3.594,9m^2.

Bị đơn ông Hồ Văn T1 trình bày: Cha mẹ anh có 08 người con đúng như lời trình bày của anh T. Căn nhà mẹ ông xây dựng năm 2011 trên thửa 72, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ông yêu cầu chia là 08 phần theo quy định pháp luật. Ông cũng có lời khai cho rằng trước đây mẹ ông có cho anh chị em mỗi phần một phần đất đã ra ở riêng. Phần đất diện tích 3.618,1m^2 là tài sản chung giữa cụ B và ông T đứng tên đồng sở hữu, ông đồng ý giao phần đất diện tích 1.985,4m^2 trên đất có căn nhà cho ông T, phần còn lại chia đều cho 07 người. Phần thừa kế của ông T1, ông T2 đồng ý giao lại cho ông D quản lý canh tác, còn 02 căn nhà ông đồng ý để lại cho ông T tiếp tục ở nhưng phải quản lý sạch sẽ. Đối với phần đất diện tích 23,2m^2 trên đất có ngôi mộ của vợ ông T1, ông yêu cầu được công nhận phần đất này và yêu cầu không tính vào diện tích 3.618,1m^2 di sản thừa kế để phân chia thừa kế, thống nhất diện tích còn lại là 3.594,9m^2.

Bị đơn bà Hồ Thị C trình bày: Bà là con của cụ Hồ Văn N và cụ Võ Thị B, cha mẹ bà có 08 người con như ông T trình bày. Cụ B và cụ N có khoảng 10 công đất, sau khi cụ N chết, cụ B đã chia cho mỗi người con trai 01 công, cho mỗi người con gái 500m^2. Còn lại diện tích 3.618,1m^2 thuộc thửa 72 là tài sản chung giữa cụ B và ông T hiện do ông T và cụ B đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà gồm nhà dưới nhà trên, bên hông nhà có 02 ngôi mộ, trước cửa có 08 gốc mai lớn khoảng 30 năm tuổi trở lên, 16 gốc mai nhỏ, cây kiểng này do cha mẹ trồng.

Bà C thống nhất trích đo thửa đất là 3.618,1m^2. Tuy nhiên, trong diện tích trên có 23,2m^2 sử dụng làm mộ của vợ ông T1, bà C thống nhất giao diện tích này cho ông T1, không tính vào diện tích 3.618,1m^2 di sản thừa kế, thống nhất diện tích chia thừa kế còn lại là 3.594,9m^2. Như vậy, ½ diện tích trên giao ông T tại vị trí có gắn phần mộ, ½ diện tích còn lại chia thừa kế cho 8 anh em bà C, tại vị trí có gắn căn nhà và giáp rạch công cộng. Các cây trồng trên đất nếu chia thừa kế cho người nhận đất có cây trồng thì người đó được hưởng cây trồng. Đối với những cây mai trên đất đã thỏa thuận giải quyết xong, không tranh chấp. Đối với các ngôi mộ nếu phân chia đất ai nhận đất có mộ thì người đó quản lý.

Đối với căn nhà cụ B xây dựng năm 2011 và căn nhà xây dựng năm 1998 trên thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, bà yêu cầu giao nhà cho ông T1, ông T1 hoàn giá trị cho anh chị em.

Bà C thống nhất để lại phần đất có chiều ngang 2m cặp kinh công cộng chạy dài hết đất để là lối đi chung, bà cũng đồng ý mở lối đi chiều ngang 1,5m dài tới nền mộ giáp với đất của ông T1 để làm lối đi. Bà yêu cầu được công nhận và đứng tên quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 72-7 diện tích 63,4m^2 là lối đi chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H, Hồ Thị L, ông Hồ Kiêm S có bà Hồ Thị C đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà C, đồng ý yêu cầu chia đôi phần đất 3.618,1m^2 thuộc thửa 72, giao cho ông T 1809,5m^2 còn lại phần của cụ B 1809,5m^2 thì chia thừa kế. Đối với phần thừa kế của bà H và bà L yêu cầu giao lại cho bà C được nhận, phần thừa kế của ông S được nhận giao lại cho ông D. Còn phần đất diện tích 23,2m^2 trên đất có gắn ngôi mộ của vợ ông T1 bà L, bà H, ông S đều thống nhất giao cho ông T1, không tính vào diện tích 3.618,1m^2 di sản thừa kế để phân chia thừa kế, thống nhất diện tích còn lại là 3.594,9m^2.

Các cây trồng khác trên đất nếu chia thừa kế phần đất người nào nhận có cây trồng thì hưởng cây trồng, không hoàn giá trị. Đối với cây mai đã giải quyết xong không có tranh chấp.

Đối với 02 căn nhà do cụ B xây dựng năm 1998 và 2011 trên thửa 72, bà H và bà L yêu cầu được chia giá trị và đồng ý giao căn nhà cho ông T1 quản lý sử dụng. Bà thống nhất để lại phần đất có chiều ngang 2m cặp kinh công cộng chạy dài hết đất để là lối đi chung, bà cũng đồng ý mở lối đi chiều ngang 1,5m dài tới

nền mộ giáp với đất của ông T1 để làm lối đi.

Ông Hồ Văn D trình bày: Ông thống nhất cùng lời trình bày của bà C, tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông D thống nhất phần đất 3.618,1m^2 là tài sản chung của bà B và ông T đứng tên đồng sở hữu yêu cầu xin nhận phần đất ông được hưởng và ông đồng ý nhận 02 phần đất của ông T1, ông S giao cho ông quản lý, ông nhận 03 phần, ông đồng ý giao cho ông T phần đất diện tích thửa 72-2-1, diện tích 1985,4m^2 trên đất có 02 ngôi nhà hiện giờ ông T đang ở, ông không yêu cầu ông T bồi hoàn giá trị căn nhà cho ông.

Còn phần đất diện tích 23,2m^2 trên đất có gắn ngôi mộ của vợ ông T1 ông D đều thống nhất giao cho ông T1 và không tính diện tích này vào 3.618,1m^2 di sản thừa kế để chia tài sản chung và chia thừa kế, thống nhất diện tích còn lại là 3.594,9m^2.

Đối với cây trồng trên đất nếu chia thừa kế phần đất người nào nhận có cây trồng thì hưởng cây trồng, không hoàn giá trị. Các cây mai đã giải quyết xong không tranh chấp. Ông đồng ý mở lối đi ngay giữa giáp ranh giữa đất giá căn nhà và giáp mộ để tiện đi lại vào vườn, vào mộ, ông yêu cầu được công nhận đứng tên đồng sở hữu lối đi này.

Ông Hồ Kim S1 trình bày: Ông thống nhất phần đất thửa 72, diện tích 3.618,1m^2 là tài sản chung giữa bà B và ông T, vì các anh chị có ký tên trong văn bản phân chia thừa kế cho ông T và bà B đứng tên chung. Ông đồng ý giao cho ông T phân nữa còn phân nữa của bà B chia cho các anh chị em. Ông đồng ý giao cho ông T phần đất diện tích 1985,4m^2 trên đất có gắn 02 căn nhà, vì ông T đã ở quản lý canh tác đất từ lúc bà B còn sống cho đến nay, ông không nhận tiền bồi hoàn 02 căn nhà ông T ở, ông xin nhận phần đất ông được hưởng. Đối với cây trồng trên đất nếu chia thừa kế phần đất người nào nhận có cây trồng thì hưởng cây trồng, không hoàn giá trị. Các cây mai đã giải quyết xong không tranh chấp.

Ông S1 đồng ý mở lối đi tại vị trí phần đất giáp căn nhà và giáp mộ để thuận tiện đi lại vào vườn thăm mộ, ông yêu cầu được công nhận đứng tên đồng sở hữu lối đi này.

Còn phần đất diện tích 23,2m^2 trên đất có gắn ngôi mộ của vợ ông T1 ông S1 thống nhất giao cho ông T1, không tính vào diện tích 3.618,1m^2 để chia thừa kế, thống nhất diện tích còn lại là 3.594,9m^2. Trên đất có 02 ngôi mộ khi phân chia

thừa kế người nào nhận đất có mộ thì quản lý mộ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DSST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 468, các Điều 609, 611, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 166, 167, 188, 203 Luật đất đai.

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Chia thừa kế và chia tài sản chung cho ông Hồ Nhựt T được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất diện tích 2.193,5m^2 đất thổ vườn gồm: Tách thửa 72-2-1 diện tích 1985,4m^2 loại đất thổ vườn, trong đó có 1.685,4m^2 đất vườn và 300m^2 đất ở nông thôn, trên đất có căn nhà diện tích 72,3m^2 căn nhà diện tích 53,1m^2 và máy hiên, chuồng gà diện tích 29,8m^2 và các cây trồng. Phần đất diện tích 1.985,4m^2 có vị trí gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1, 2. Theo phụ lục trích đo bản đồ địa chính khu đất (kèm theo bản án).

1.2. Chia thừa kế cho ông T được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất tách thửa 72-1-1-1 diện tích 208,1m^2 trên đất có các cây trồng, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần diện tích 208,1m^2 gồm vị trí các mốc 1, B, A, 20, 1, theo phụ lục trích đo bản đồ địa chính khu đất (kèm theo bản án).

1.3. Chia thừa kế cho bà Hồ Thị C được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất tách thửa 72-1-1-2 diện tích 684,2m^2 loại đất vườn, trên đất phần mộ diện tích 19,4m^2 và các cây trồng, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.4. Buộc anh Hồ Nhựt T phải có nghĩa vụ giao cho bà Hồ Thị C được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất tách thửa 72-1-1-2 diện tích 684,2m^2 loại đất vườn, trên đất ngôi mộ diện tích 19,4m^2 và các cây trồng phần diện tích 684,2m^2 có vị trí các mốc gồm A,B, 31, 12, 11,C,19, A (kèm theo bản án).

1.5. Chia thừa kế cho ông Hồ Văn D được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất thuộc tách thửa 72-1-1-3 diện tích 514m^2 trên đất có các cây trồng, đất tọa lạc ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.6. Buộc anh Hồ Nhựt T phải có nghĩa vụ giao cho ông Hồ Văn D được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất thuộc tách thửa 72-1-1-3 diện tích 514m^2 trên đất có các cây trồng, đất tọa lạc ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long Phần diện tích 514m^2 có vị trí các mốc gồm C, 11, E, D, 16,17, 18, C. (kèm theo bản án)

1.7. Chia thừa kế cho ông Hồ Văn S2 quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất thuộc tách thửa 72-1-1-4 diện tích 203,2m^2 trên đất có các cây trồng, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8. Buộc anh Hồ Nhựt T có nghĩa vụ chia cho ông Hồ Kim S1 quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất thuộc tách thửa 72-1-1-4 diện tích 203,2m^2 trên đất có các cây trồng. Phần đất diện tích 203,2m^2 có vị trí các mốc sau: D, E, 10, 21, 22, D. (kèm theo bản án). Tất các phần đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.9. Buộc anh Hồ Nhựt T phải bồi hoàn giá trị căn nhà diện tích 72,3m^2 thuộc tách thửa 72-2-1 diện tích 1985,4m^2 cho ông T1, bà C, bà H, bà L, ông S mỗi người là 8.037.376đ.

1.10. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S1, ông D không nhận giá trị bồi hoàn giá trị căn nhà diện tích 72,3m^2 mà cho anh T nên anh T nhận giá trị bồi hoàn căn nhà là 24.112.128đ .

1.11. Riêng phần đất hưởng kỷ phần thừa kế ông T1, bà L, bà H, ông S đã cho người khác không nhận di sản thừa kế, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

1.12. Các cây mai đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

1.13. Buộc anh T phải bồi hoàn giá trị chênh lệch đất thổ diện tích 300m^2 cho ông T1, bà C, ông D, ông S1, ông S, bà H, bà L mỗi người là 4.950.000đ.

1.14. Công nhận cho ông Hồ Văn T1 được quyền sử dụng đất phần đất tách thửa 72-9 diện tích 23,2m^2, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có các móc như sau: 22, 23,17,16.

1.15. Về lối đi ông S1, ông D đồng ý thỏa thuận một lối đi cho bà C và các anh chị em vào thăm mộ, nên không đặt ra giải quyết.

2. Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước kê khai đăng ký quyền sử dụng đất mình được hưởng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28/7/2023, bị đơn bà Hồ Thị C có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chia thừa kế di sản của cụ B thuộc phần đất thuộc thửa 72, diện tích 1.797,45m^2 thành 8 phần bằng nhau mỗi người được nhận 224,69m^2; Chia căn nhà xây dựng năm 2011 diện tích 53,1m^2 nằm trên thửa 72-2-1 diện tích 1.985,4m^2 thành 8 phân bằng nhau cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà C trình bày giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu 1.797,45m^2 thành 8 phần bằng nhau mỗi người được nhận 224,69m^2; căn nhà xây dựng năm 2011 diện tích 53,1m^2 nằm trên thửa 72-2-1 diện tích 1.985,4m^2 là di sản của cụ B nên bà C yêu cầu chia căn nhà này thành 8 phân bằng nhau cho các đồng thừa kế và bà C nhận giá trị, bà C không đồng ý căn nhà là tài sản của ông T. Hơn nữa bản án sơ thẩm cũng không tuyên giao căn nhà nêu trên cho ai là không đúng, đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại. Bà C yêu cầu chia di sản bằng hiện vật và không có yêu cầu khảo sát, đo đạc, thẩm định giá tài sản lại. Ngoài ra, bà C không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

Ông T trình bày: Không đồng ý các nội dung kháng cáo của bà C, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông S1 trình bày: Không có ý kiến gì về kháng cáo của bà C, đề nghị Tòa án xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị C; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DSST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án nên bà C không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông Hồ Văn T1 vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Thị B và cụ Hồ Văn N có 08 người gồm: Bà Hồ Thị H, ông Hồ Kiêm S, ông Hồ Văn T1, bà Hồ Thị L, ông Hồ Văn S2, ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị C và ông Hồ Nhựt T. Cụ B và cụ N không có con nuôi, con riêng.

[3] Cụ N chết ngày 30/8/2006 (BL 15) và cụ B chết ngày 17/6/2017 (BL 14), các đương sự đều khai thống nhất cụ N và cụ B không có để lại di chúc và xác định sau khi cụ N chết, tài sản của cụ N và cụ B có hơn 11.000m^2 đất nên cụ B và các con thỏa thuận thống nhất phân chia cho 07 người con mỗi người con một phần diện tích đất, còn lại diện tích 3.618,1m^2 thửa 72, tờ bản đồ 18 thì cụ B và ông T cùng đứng tên chung đăng ký quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng đến khi cụ B chết. Vì vậy, các đương sự đều thừa nhận thửa đất trên là tài sản chung giữa ông T và cụ B, đều thống nhất ½ diện tích đất là tài sản của ông T và ½ diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của cụ B, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B là ½ diện tích của thửa 72, tờ bản đồ 18, diện tích 3.618,1m^2 bằng hiện vật là đúng quy định pháp luật.

[4] Các đương sự thống nhất thửa 72, tờ bản đồ 18, diện tích 3.618,1m^2 là tài sản chung của ông T và cụ B, trong đó phần diện tích đất của ông T và cụ B mỗi người là 3.618,1m^2: 2 = 1.809,5m^2. Các đương sự cũng thống nhất thửa đất này có một phần diện tích 23,2m^2 thuộc tách thửa 72-9 được ông T1 đã sử dụng đất chôn cất vợ của ông nên thỏa thuận thống nhất công nhận thửa 72-9 diện tích 23,2m^2 cho ông T1 và không tính vào tài sản chung của ông T, cụ B và kể cả phần di sản phân chia thừa kế của cụ B, thống nhất diện tích còn lại là 3.618,1m^2 – 23,2m^2 = 3.594,9m^2.

[5] Về di sản của cụ B: Căn cứ phần [3] và [4] xác định phần tài sản của ông T là 3.594,9m^2: 2 = 1.797,45m^2, còn lại là di sản của cụ B có diện tích 1.797,45m^2. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ B có tám người, các anh chị em của ông T, bà C đều có chỗ ở riêng, ông T là con trai út trong gia đình, là người sinh sống cùng cụ B và

chăm sóc cụ B trước khi chết, ông T cũng là người thờ cúng cha mẹ và quản lý giữ gìn di sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản của cụ B bằng hiện vật thành 9 phần, trong đó 8 phần cho đồng thừa kế của cụ B và giao cho ông T nhận kỷ phần thờ cúng là phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, mỗi kỷ phần thừa kế có diện tích 1.797,45m^2 : 9 = 199,71m^2, mỗi người hưởng 199,71m^2 và ông T hưởng 399,42m^2. Tổng diện tích hưởng thừa kế và chia tài sản chung mà ông T được nhận là 2.196,87m^2. Căn cứ theo trích đo bản đồ địa chính khu đất, phần ông T được nhận gồm tách thửa 72-2-1, diện tích 1.985,4m^2 và tách thửa 72-1-1-1 diện tích 208,1m^2, tổng cộng là 2.193,5m^2 chênh lệch ít hơn 3,37m^2 so với diện tích ông T được chia là 2.196,87m^2, ông T tự nguyện không yêu cầu bồi hoàn giá trị nên được ghi nhận. Do đó, kháng cáo của bà C yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B có diện tích 1.797,45m^2 thành 8 kỷ phần là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bà C yêu cầu chia căn nhà được xây cất năm 2011 có diện tích 53,1m^2: Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày căn nhà xây dựng năm 2011 được xây dựng bằng nguồn tiền cá nhân của ông làm thuê dành dụm và tiền bán trái cây có được, ông T cũng là người mua bàn thờ để thờ cúng ông bà tại ngôi nhà này nên căn nhà không phải là di sản của cụ B. Bà C cho rằng căn nhà này được xây dựng bằng nguồn tiền của cụ B nhưng bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh, việc bà C cung cấp bảng xác nhận của ông Tiêu Văn H1 cho rằng ông H1 được cụ B thuê xây nhà, trả tiền công là 15.000.000 đồng, tiền vật tư xây nhà khoảng 60.000.000 đồng, xét thấy nội dung xác nhận này không đủ căn cứ chứng minh tiền công thuê người xây nhà và tiền mua vật tư xây nhà là của cụ B nên không có căn cứ chấp nhận. Tại tòa, bà C không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh nguồn tiền căn nhà xây dựng năm 2011 là của cụ B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà xây dựng năm 2011 là tài sản của ông T là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà C yêu cầu chia thừa kế căn nhà xây dựng năm 2011 diện tích 53.1m^2 không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm không giao cho ông T được quyền sở hữu căn nhà là chưa đảm bảo quyền lợi cho ông T khi đăng ký quyền sở hữu tài sản và thi hành bản án, do đó kháng cáo của bà C về việc Bản án sơ thẩm không giao căn nhà xây dựng năm 2011 cho ai là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về án phí dân sự sơ thẩm chưa phù hợp với quy định tại Khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó Hội đồng xét xử thống nhất sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị C, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DSST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long về án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị C.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DSST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 611, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 166, 188, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12, 14, 15, khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Chia thừa kế và chia tài sản chung cho ông Hồ Nhựt T được quyền sử

dụng đất hợp pháp phần đất diện tích 2.193,5m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm, các thửa đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất như sau:

- Thửa 72-2-1 diện tích 1.985,4m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm, trong đó có 1.685,4m^2 đất trồng cây lâu năm và 300m^2 đất ở và ông T được quyền sở hữu căn nhà diện tích 72.3m^2 kết cấu khung BTCT, mái Fribđô xi măng, vách tường, nền gạch tàu, không trần và được quyền sở hữu căn nhà diện tích 53,1m^2 kết cấu khung BTCT, mái Fribđô xi măng, vách tường, nền gạch tàu, không trần trên thửa đất số 72-2-1 diện tích 1.985,4m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, thửa đất số 72-2-1 có vị trí gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/8/2022 và Sơ đồ chia tách thửa đất (Đính kèm theo bản án).

- Thửa 72-1-1-1 diện tích 208,1m^2 loại đất trồng cây lâu năm và các cây trồng trên đất, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long gồm vị trí các mốc 1,B,A,20,1 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/8/2022 và Sơ đồ chia tách thửa đất (Đính kèm theo bản án).

- Ông T có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.2. Chia thừa kế cho bà Hồ Thị C được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất tách thửa 72-1-1-2 diện tích 684,2m^2 loại đất trồng cây lâu năm, trên đất có 02 ngôi mộ và các cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long gồm vị trí các mốc A,B,31,12,11,C,19,A theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/8/2022 và Sơ đồ chia tách thửa đất (Đính kèm theo bản án).

- Buộc ông Hồ Nhựt T phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Hồ Thị C được quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 72-1-1-2 diện tích 684,2m^2 loại đất trồng cây lâu, trên đất ngôi mộ diện tích 19,4m^2 và các cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà C có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.3 Chia thừa kế cho ông Hồ Văn D được quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất thuộc tách thửa 72-1-1-3 diện tích 514m^2 trên đất có các cây trồng tọa lạc ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long có vị trí các mốc gồm C,11,E,D,16,17,18,C theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/8/2022 và Sơ đồ chia tách thửa đất (Đính kèm

theo bản án).

- Buộc ông Hồ Nhựt T phải có nghĩa vụ giao lại cho ông Hồ Văn D được quyền sử dụng đất thửa đất số 72-1-1-3 diện tích 514m^2 trên đất có các cây trồng, tọa lạc ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông D có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.4 Chia thừa kế cho ông Hồ Kim S1 quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất thuộc tách thửa 72-1-1-4 diện tích 203,2m^2 trên đất có các cây trồng, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long có vị trí các mốc sau: D, E, 10, 21, 22, D theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/8/2022 và Sơ đồ chia tách thửa đất (Đính kèm theo bản án).

- Buộc ông Hồ Nhựt T có nghĩa vụ chia cho ông Hồ Kim S1 quyền sử dụng đất thửa đất số 72-1-1-4 diện tích 203,2m^2 trên đất có các cây trồng đất tọa lạc ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông S1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Hồ Nhựt T phải nộp 16.437.555 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006633 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, ông T còn phải nộp 11.637.555 đồng (Mười một triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) mới đủ.

- Buộc bà Hồ Thị C phải chịu 5.320.000 đồng (Năm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 352.000đ (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003262 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, bà C còn phải nộp 4.968.000 đồng mới đủ.

- Buộc ông Hồ Văn D phải chịu số tiền 3.794.100 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông D được trừ số tiền tạm ứng án phí là 352.000đ (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003266 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ

nên ông D phải nộp thêm 3.442.100 đồng mới đủ.

- Buộc ông Hồ Kim S1 phải chịu số tiền 1.649.580 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông S1 được trừ số tiền tạm ứng án phí 352.000đ (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003264 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, nên ông S1 phải nộp thêm 1.297.580 đồng mới đủ.

- Buộc ông Hồ Văn T1 phải chịu 759.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T1 được khấu trừ vào số tiền 352.000đ (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003259 ngày 22/102021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, nên ông T1 còn nộp thêm 407.000 đồng mới đủ.

- Buộc bà Hồ Thị L phải chịu 599.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được trừ vào số tiền 352.000đ (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003261 ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên bà L còn phải nộp thêm 247.000 đồng mới đủ.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hồ Thị H do bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền 352.000đ (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003263 ngày 22/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Kiêm S do ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Hoàn trả cho ông Hồ Kiêm S số tiền 352.000đ (Ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003261 ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số N_0 0005240 ngày 31/7/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về cây trồng, về lối đi, về hoàn giá trị chênh lệch đối với đất ở, về hoàn giá trị căn nhà 72.3m^2, về quyền sử dụng đất mộ, về chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Dung